

TIỂU SỬ NGẮN GỌN CỦA DRUBJE PEMA DUDDUL (NYALA PEMA DÜDDUL), VỊ SÁNG LẬP TU VIỆN KALSANG (TÂY TẠNG)

Nhóm Dịch thuật Trung tâm Nghiên cứu Dzogchen



DRUBJE PEMA DUDDUL (1816 – 1872)

Kính lễ các Đạo sư!

Không an trụ trong Sinh tử hay Niết bàn, bản tánh toàn khắp của tâm,
Cõi giới của mạng lưới huyền hóa những hình tướng khác nhau, phạm vi bao la
như bầu trời của trí tuệ nguyên sơ thành tựu tự nhiên,
Thấu hiểu bản tánh của riêng con thì bất khả phân với bản tánh này,
Con xin đảnh lễ.
Những tia nắng của ân phước, chiếu rọi một ngàn vị Phật toàn hảo,
Hóa thân của Pema Totreng (*PadMa Thod-Phreng* – Đức Liên hoa Sanh),

Bậc điều phục Thế lực Quỷ ma (*bDud-'dul*),
Bằng hữu và vị bảo hộ duy nhất của chúng sinh trong thời đại ngũ trược này,
Con khẩn cầu ngài an trụ mãi mãi trong hồ sen của trái tim con.
Chúng sinh bình thường không thể thấu hiểu tâm của chư Phật.
Ai được chứng minh để đánh giá những công hạnh vô biên như thế?
Ai nằm trong số những người không may mắn hiểu được vách đứng Sinh tử?
Con gặp mình khẩn cầu Lạt ma tịnh hóa những lỗi lầm trong tâm con.
Chiếc trống da cứng của thời suy hoại hiện đại này,
Khi được đánh lên bằng dùi trống giáo lý tăng tiến của Đức Phật,
Vang dội những tiếng ồn náo không kham lãnh nổi, thiếu sự hài hòa.
Các bậc linh thánh, xin hồi sinh chúng con và xóa sạch những nhớ nhuốc của chúng con.

VIỆC BÓ TRÍ TU VIỆN KALSANG



Các pho tượng của Drubje Pema Duddul và hai Trưởng tử Tâm yếu của ngài, Rik Dorje ngồi bên phải ngài và Sonam Thaye ở bên trái

Dưới đây là một lược thuật về lịch sử của Kalsang Sangye Choling Phương Đông Chiến thắng (Một ngàn vị Phật của Hiền kiếp, *bsKal-bZang Sangs-rGyas Chos-kLing*), trụ xứ của Phái Cựu Dịch Mật thừa Vĩ đại Đại Viên mãn Tịnh Quang.

Tu viện này nằm trong vùng thấp của Dokham (tên bao gồm Amdo và Kham, toàn bộ miền Đông Tây Tạng, *mDo-Khams*) trong xứ Tuyết Tây Tạng, ở trung tâm Nyak Adzi Rong (*Nyag-A-'Dzi-Rong*), một thung lũng được thảo. Được bao quanh bởi vẻ tuyệt đẹp và duyên dáng tự nhiên, nơi này được gọi là Shanglang Drakar (*Shang-Lang-Brag-dKar*), Thanh kiếm Đá cuội Trắng, hay Ne LhangLhang Norbu Yantse (*gNas-Lhang-Lhang-Nor-Bu-Yang-rTse*), Địa điểm Linh thiêng của Âm thanh Trong trẻo, Đỉnh Ngọc.

Trong ***Tường thuật Tiên tri các Địa điểm Linh thiêng*** của Sangye Lingpa (*Sangs-rGyas-gLing-Pa*), ngài viết:

“Xứ Tuyết Tây Tạng là một vườn sen của các địa điểm linh thiêng;

Trong đó, Địa điểm Linh thiêng Âm thanh Trong trẻo như một chiếc Dù.”

Ngoài ra, trong ***Tiên tri các Kho báu Ẩn dấu*** của Đại Thánh Pema Duddul, ngài viết:

“Ở khu vực miền nam kỳ diệu tại miền Đông Xứ Tuyết,

Trong xứ sở ẩn dấu giữa Núi Rongchen (*Rong-Chen*) và Núi Borragang (*'Bor-Ra-sGang*),

Một tảng đá pha lê màu-óc xà cừ xuyên thủng bầu trời tên là Thanh kiếm Đá Cuội hay

Pháo đài Không trung Đá Cuội Trắng hay đặc biệt là Đỉnh Ngọc của Âm thanh Trong trẻo.

Đó là nơi cư trú của một tập hội thiêng liêng không thể nghĩ bàn các vị Trời và Bản Tôn.

Ở đó ba vị bảo hộ linh thánh Văn Thù, Quán Thế Âm và Kim Cương Thủ, Đức Phật thứ Hai (Guru Padma Sambhava) và nhiều vị khác đã thực hiện vô số biểu hiện thành tựu kỳ diệu.

Chỉ nhìn thấy, nghe nói, tưởng nhớ hay xúc chạm nơi chốn này cũng khiến ta thành tựu chứng ngộ.

Đó là một chốn thiêng liêng, nơi có thể đạt được thân cầu vòng và cảnh giới của dakini.”

Phong cảnh kỳ diệu được tô điểm vẻ đẹp tự nhiên vô cùng tráng lệ. Ba vị bảo hộ thiêng liêng và Ba vị Vua Tâm linh Tổ tiên, Đạo sư Liên Hoa Sanh, Đại Dịch giả Vairochana, Dakini Yeshe Tsogyal (*Ye-Shes-mTsho-rGyal*), Nyangwen Tingdzin Sangpo (*Nyang-Ban-Ting-'Dzin-bZang-Po*) và những vị khác đã đích thân tới đây, cất dấu một cách phi thường những giáo lý kho tàng, điều phục các vị trời và tinh linh địa phương, và buộc họ làm các vị bảo hộ cho địa điểm thiêng liêng này.

Vì lợi lạc của việc truyền bá Phật Pháp và hạnh phúc của tất cả chúng sinh và đặc biệt là nhân dân Tây Tạng, vô số công hạnh vĩ đại đã được thực hiện. Có một hình ảnh tự xuất hiện của Guru Rinpoche trong một hình thức nổi tiếng tên là “Làm Ngập tràn Thế giới với vẻ Lộng lẫy Huy hoàng” và một dấu chân ngựa của Vua Gesar (*gLing-Ge-Sar*).

Cha và con linh thánh, Đức Marpa và Milarepa, đã đến địa điểm này bằng phương tiện huyền diệu, và hang động các ngài ở được gọi là Thung lũng của Người Áo Vải (*Ras-gShong*) ngày nay vẫn có thể nhìn thấy. Một bảo tháp tên là “Chiến thắng Tinh linh Kiêu mạn”, một bảo tháp do Vairochana xây dựng và một bảo tháp do Garwa Tongtsan xây dựng, tất cả đều được xây cất ở khu vực chung quanh hay gần tu viện.

Tu viện nằm trong khu vực phía nam của miền đất thiêng liêng siêu việt này, và những điểm đặc biệt của vị trí riêng biệt của nó được mô tả trong **Tiên tri các Kho báu Ấn dấu** của chính Đại Thánh Pema Duddul:

“Được Đức Phật tiên tri, Kalsang Sangye Ling được bố trí như thế theo tám hướng:

Ở phương Đông, mọi ngọn núi trắng và nhẵn, dấu hiệu của sự vắng mặt bệnh tật, điều xấu và những tinh linh khủng khiếp.

Ở phương Nam, núi, sông và rừng rậm thật bao la và phong phú, dấu hiệu của sự phát triển mạnh mẽ tràn đầy đức hạnh tuyệt hảo.

Ở phương Tây, những ngọn núi màu đỏ có hình dạng trăng lưỡi liềm, dấu hiệu của sự chiến thắng ba cõi và ba thế giới.

Các ngọn núi phương bắc cao, lởm chởm và có vẻ đe dọa, dấu hiệu của sự hoàn toàn trục xuất mọi kẻ thù mê lầm và chướng ngại do quỷ ma gây ra.

Ngọn núi phía sau như con sư tử vĩ đại nhảy vào bầu trời, dấu hiệu của việc đạt được tự do vô úy thoát khỏi sinh và tử.

Ngọn núi bên phải giống như một mũi tên lể có thất ruy băng sắc cầu vòng, tô điểm bằng một chiếc gương, dấu hiệu cho thấy sự vinh quang tráng lệ tràn trề thành tựu thế gian và xuất thế gian.

Những ngọn núi ở bên trái giống như những lá cờ (phướn) chiến thắng được giương cao, dấu hiệu cho thấy Cờ Chiến thắng của Phật giáo trải rộng và mãi mãi tung bay.

Những chân đồi đá giống như một Pháp tòa vĩ đại nhiều tầng, dấu hiệu cho thấy Kim cương tòa sẽ tồn tại hàng trăm kiếp.

Giữa những rặng núi đá là một kho tàng kim cương, dấu hiệu cho thấy mọi thế lực đối nghịch sẽ bị chinh phục.

Ngôi làng lớn trước mặt cánh đồng cỏ có hình dạng như một mạn đà la, dấu hiệu của sự tích tập toàn hảo thiện hạnh và nội quán tâm linh.

Mười tám ngọn núi trước mặt dường như cúi xuống với vẻ sùng kính, dấu hiệu cho thấy tất cả chúng sinh tôn kính (tu viện này) với lòng sùng mộ nhiệt thành.

Mọi ngọn đồi được sắp xếp như những dãy bảo tháp, dấu hiệu cho thấy Phật giáo bất biến sẽ phát triển cho tới khi chấm dứt thời kiếp.

Những đường dốc đầy bóng tối ở lưng chừng hướng lên các ngọn núi như những lá cờ cầu nguyện màu đen lay động, dấu hiệu cho thấy mọi tinh linh địa phương đã được điều phục và kết buộc làm các Hộ Pháp.

Mọi đỉnh núi như những bức màn lụa trắng, dấu hiệu cho thấy phẩm cách của các vị trời đức hạnh đã chiến thắng sự xấu ác.

Lối đi trên ngọn núi phía sau như một đường đắp cao kéo dài lên cõi trời, dấu hiệu cho thấy mọi chúng sinh không loại trừ ai sẽ lên cõi trời Akanishta (Trời Tối thượng, Trời Sắc Cứu cánh).

Từ bên phải một con sông cam lồ đổ xuống từ các cõi trời, dấu hiệu của sự gia hộ tinh túy của Quán đảnh Tịnh Bình.

Từ bên trái một con sông cam lồ đổ xuống từ Cõi Rồng, dấu hiệu của sự ban tặng mọi thành tựu của loài rồng.

Hàng hiên thấp dốc lên ngọn núi giống như một tấm thảm, dấu hiệu cho thấy những lối dẫn tới việc tái sinh trong các cõi thấp đã được đóng kín.

Đỉnh núi phía sau dài nhiều dặm, dấu hiệu cho thấy thọ mạng của các vị hộ trì dòng truyền thừa sẽ dài lâu và không bị chướng ngại.

Từ bên phải một con sông trôi chảy có màu của một viên hồng ngọc màu đỏ máu, dấu hiệu cho thấy những nhà huyền thuật và dakini sẽ ban các thành tựu của họ.

Từ bên trái một dòng sông trôi chảy có màu hoa súng kumu, dấu hiệu cho thấy các anh hùng vô úy của các Tantra Cha sẽ ban các thành tựu của họ.

Trên hàng hiên thấp hai con sông cùng chảy, dấu hiệu của đại lạc là sự hợp nhất trí tuệ và lòng bi mẫn.

Từ phương Đông một con chim vàng cưỡi một con rồng màu lam ngọc bay tới, dấu hiệu cho thấy tịnh quang của trí tuệ nguyên sơ sẽ liên tục chói ngời.

Từ phương Nam xuất hiện một âm thanh như tiếng trống vàng mùa hạ, dấu hiệu của sự thành tựu trạng thái vô úy phi thường của Đức Vajradhara (Kim Cương Trì) Chiến Thắng.

Hướng về phương Bắc, như thể những sư tử con đang nô đùa trên tuyết, dấu hiệu cho thấy nhiều đệ tử hữu duyên sẽ đạt được chứng ngộ sâu xa.

Những ai nhìn thấy, nghe nói hay viếng thăm cõi này, được trang hoàng vô số phẩm tính như những đặc điểm này, sẽ đạt được hạt giống Bồ đề tâm.

Tu viện đã được tán thán như thế trong tiên tri kim cương.

DÒNG TRUYỀN THỪA GIÁO PHÁP

Liên quan tới sự tiếp nối của các Tu viện trưởng của Tu viện này, nhiều thế kỷ trước các cư dân Minyak (*Mi-Nyag*) phương bắc đã di chuyển xuống miền nam

và đông của vùng đất. Ngay cả hiện nay ta cũng có thể tìm thấy những dấu vết còn sót lại của tiếng địa phương của họ; chẳng hạn như Drakmargo (*Brag-dMar-'Go*) được phiên âm là Rakmargo.

Chính tại đây dòng truyền thừa Giáo Pháp toàn trí của Kunkhyen Kathokpa đã dần dần được truyền bá, và khá nhiều ẩn thất và tu viện Lạt ma được thành lập, trong đó có Anya Tsang (*A-Mya-Tshang*), Takpung Tsang (*sTag-dPung-Tshang*), Dudjom Tsang (*bDud-'Joms-Tshang*), Riktsal Tsang (*Rig-rTsal-Tshang*), Tsolmyi Gyamtso Tsang (*Tshogs-gNyis-rGya-mTsho-Tshang*) và Gyurme Wangchuk Tsang (*'Gyur-Med-dBang-Phyug-Tshang*).

Mỗi trụ xứ có tập hội riêng của nó, những lễ cúng dường truyền thống và những lễ kỷ niệm, đủ bộ các pho tượng, các khí cụ nghi lễ và những thứ cần dùng khác.

Tuy nhiên, thời kỳ này trong lịch sử là quá khứ lâu dài, và nhiều điều đã thay đổi theo dòng thời gian. Ngày nay, không những không còn các tài liệu lịch sử đáng tin cậy mà ngay cả các tường thuật lịch sử cũng hiếm hoi. Có một hình ảnh của Palden Lhamo (*dPal-IDan-Lha-Mo*) do các Đạo sư dòng truyền thừa Kathok xây dựng trước đây là bằng chứng rõ ràng cho sự hiện hữu của dòng Giáo Pháp Kathok. Nó hoàn toàn theo phụ hệ.

Chẳng hạn nếu chúng ta khảo sát Anya Tsang thì có một sự nối tiếp huyết thống không đứt đoạn các vị hộ trì dòng truyền thừa bắt đầu với Lama Loden (*bLo-IDan*) và liên tục truyền tới Sonam Chokdrup (*bSod-Nams-mChog-Grub*), Pema Dondrub (*Padma Don-'Grub*), Pema Lhundrup (*Padma Lhung-Grub*), Chogyal (*Chos-rGyal*), Lhaphel (*Lha-'Phel*), Drubchok Karma Palden (*Grub-mChog Karma dPal-IDan*), Sonam Tenzin (*bSod-Nams-bsTan-'Dzin*), Sonam Palden (*bSod-Nams-dPal-IDan*), Chime (*'Chi-Med*) và cuối cùng tới Sonam Togyal (*bSod-Nams-sTobs-rGyal*).

Tại Tsigukma Labrang Tokma Tsang (*rTsi-Gug-Mo bLa-Brang Thog-Ma-Tshang*), dòng truyền thừa không đứt đoạn của các Lạt ma đã truyền từ Sonam

Gyatso (*bSod-Nams-rGya-mTsho*) tới Sonam Wangchuk (*bSod-Nams-sTobs-rGyal*), Sonam Chopel (*bSod-Nams-Chos-dPal*), Pema Kunsang (*Padma Kun-bZang*), Sonam Thaye (*bSod-Nams-mTha'-Yas*), Sempal Dorje (*Sems-dPal-rDo-rJe*), Kalsang (*sKal-bZang*), Pema Tenzin (*Padma bsTan-'Dzin*) và cuối cùng tới Sherab Oser (*Shes-Rab-'Od-Zer*).

THỪA THIẾU THỜI CỦA PEMA DUDDUL

Vị sáng lập của tu viện Kalsang đặc biệt này, Thánh Pema Duddul cao quý, Thân Cầu vòng Động Lhangdrak (*Lhang-Brag*), được mô tả như sau trong tiên tri có tựa đề là Tám Gương Pha lê của Cadu Sherab Gyaltsan (*ICags-mDud Shes-Rab-rGyal-mTshan*): “Hiện thể tâm của Pema xứ Uddiyana (*O-rGyan*) sẽ xuất hiện từ Tầng Đá Ngọc có tên là Duddul (*bDud-'Dul*). Trong pháp giới Uddiyana này Cờ Chiến thắng của Phật giáo sẽ tung bay.”

Hơn nữa, trong những tiên tri của các Đạo sư lừng danh như Rigdzin Duddul Dorje (*Rig-'Dzin bDud-'Dul-rDo-rJe*), Terchen Longsel Nyingpo (*gTer-Chen kLong-gSal-sNying-Po*), Taksham Nuden Dorje (*sTag-Sham Nus-IDan-rDo-rJe*), Situ Pema Nyinche Wangpo (*Si-Tu Padma Nyin-Byed-dBang-Po*) và nhiều vị khác, những chi tiết sau đây được đề cập thật rõ ràng:

Một bé trai ra đời, là con của ông Khangcik Gonpo (*Khang-gCig-mGon-Po*) và bà Sersangsa Sonam Kyi (*gSer-bZang-bZa' bSod-Nams-sKyid*). Từ khi đưa trẻ nhập thai mẹ, cha mẹ của bé có nhiều kinh nghiệm phi thường trong lúc thức và ngủ, và nhiều linh vật trong vùng đã biểu lộ những dấu hiệu kỳ diệu.

Từ nền tảng phổ quát nguyên thủy, trạng thái thành tựu tự nhiên xuất hiện từ hư không bất chấp mọi cực đoan, ở đó xuất hiện trong hình thức tri giác của ta và tánh Không, không pha tạp, xuất hiện như một đại dương của các vị Phật phi thường; sự phô diễn của năm trí tuệ xuất hiện giống như mặt trăng sáng ngời trong bầu trời dường như được phản chiếu không chướng ngại trong một chậu nước.

Như thế nghiệp và những lời cầu nguyện đã thuận thực một cách tự nhiên trong miền đất của tỉnh Kham được gọi là Adzi Nyak, ở Delong (*bDe-kLong*) tại trung tâm của sự phát triển rộng lớn của hỉ lạc và hạnh phúc. Đứa trẻ ra đời ngày mồng mười tháng Chín Tây Tạng năm Hỏa Tý (1816) thuộc Rabjung thứ mười bốn. [\[1\]](#)

Bầu trời ngập đầy ánh sáng cầu vồng và một ánh sáng dịu của những vòng tròn rộng lớn và nhỏ xíu rơi xuống như những chuỗi ngọc. Vùng đất tràn ngập hương thơm ngọt ngào ở khắp nơi, và người ta nghe thấy âm thanh du dương của các xập xỏa. Nhiều đàn kên kên lượn tròn trên lều lông yak tạo thành một vũ điệu thiêng liêng. Khi sữa được đánh lên, mười ba torma làm bằng bơ hiện ra.

Ngay khi được sinh ra, đứa bé ngồi trong thế liên hoa viên mãn (kiết già) và sau khi nói "Ami Deva" (Om Amideva Hrih) và "Siddha" (Om Ah Hum Vajra Guru Padma Siddhi Hum) mỗi câu ba lần, cậu bé nói: "Ta là hóa thân về tâm của Orgyen." Chú của cậu, Lama Kunzang (*Kun-bZang*), đã tặng cho cậu cái tên Tashi Dondrub (*bKra-Shis Don-'Grub*). Hơn nữa, nhiều vị thánh đã tán thán và nhiều người đích thân chứng kiến các Dakini và Hộ Pháp chơi đùa với cậu bé và hết sức tôn kính cậu.

Khi cha mẹ và cậu bé đi tới Địa điểm Linh thiêng Âm thanh Trong trẻo, các màn trướng ánh sáng cầu vồng xuất hiện trong không gian và mọi người nghe âm thanh ngọt ngào của các xập xỏa. Bản thân vị Đại Thánh có nhiều linh kiến. Thậm chí ngày nay vẫn còn nhìn thấy dấu vết hai bàn chân nhỏ xíu của ngài để lại trên đá.

Sự nhàm chán sinh tử, quyết tâm thành tựu giải thoát, lòng từ và bi hiện diện thường xuyên và tự nhiên trong tâm ngài, và thậm chí không cần học ngài biết được ba chữ Uchan (*dBu-Can*), Ume (*dBu-Med*) và Lanja cũng như Urdu. Khi ngài gặp Vua Lingje Gesar, ngài đóng vai một người kể chuyện và rồi sau đó nổi danh là Tashi Dondrub Người Kể chuyện.

Ngài có sự hiểu biết sống động về nhiều đời trước của mình, chư Phật và Bồ Tát trong các cõi tịnh độ ở mười phương xuất hiện với ngài trong các linh kiến và cho các tiên tri. Ngài đã kiến lập nhiều chúng sinh trong sáu cõi trên con đường dẫn tới giải thoát.

Các Dakini và Hộ Pháp dạy ngài về mọi hành động lợi lạc và có hại, và mặc dù ngài sở hữu sức mạnh và năng lực không bị ngăn trở, ngài triệt để tuân theo luật nhân quả với sự thận trọng và chính xác để biểu thị điều đó cho những người khác, chưa một lần từ bỏ hạnh phúc của chúng sinh.

Trong khi nhận khẩu truyền tại tu viện Tala's (*sTag-bLa*) của người chú, các Dakini đã thực hiện tiên tri này và xuất hiện với ngài trong những linh kiến tương ứng: “Địa điểm linh thiêng này nổi danh là Kalsang Sangye Choling, một ngôi chùa kỳ diệu tràn đầy những điều tốt lành, sẽ ngang hàng Tu viện Pháp Luân Vinh quang Samye.”

Mặc dù vào lúc đó, ngài xuất hiện đơn thuần là một đứa trẻ, nhưng thực ra ngài đã thâm nhập tất cả các cõi Sinh tử và Niết bàn và đã thực hiện những công hạnh không thể suy lường phù hợp với trí tuệ giác ngộ của các Kinh điển và Mật điển, hiển lộ như một vị Thánh siêu phàm mà bản chất thì vượt ngoài phạm vi phán đoán bình thường.

Sau đó ông Gonpo, thân phụ của ngài, và các anh chị em ruột của ngài qua đời, và gần như mọi tài sản và của cải của gia đình vững chắc, trung thực và có thể lực của ngài được hiến tặng để ủng hộ những mục đích đạo đức. Các tòa nhà và của cải còn lại bị lấy sạch và bị bọn trộm cướp liên tục cưỡng đoạt, khiến họ thành linh bị rơi vào một tình trạng bần cùng khốn khổ, rất giống những điều xảy ra cho Đại Thánh giả Milarepa.

Ngay cả bây giờ, chỉ nghe câu chuyện này cũng đủ làm đôi mắt ta đầm lệ. Người mẹ và cậu con trai bị buộc phải đi ăn xin và theo lối sống của những hành khất, họ lang thang khắp xứ để xin của bố thí, làm việc vì sự lợi lạc của chúng sinh một cách tự nhiên.

Mỗi khi quỷ ma và những tinh linh thệ nguyện toan tính gây chướng ngại, không những họ không thể hãm dọa mà giống như dầu được đổ thẳng vào một ngọn lửa, những cố gắng của họ trở thành sự hỗ trợ cho tiến bộ tâm linh của người mẹ và cậu con trai. Theo một linh kiến về Đức Avalokiteshvara (Quán Thế Âm) Siêu việt trong đó Đức Avalokiteshvara ban cho ngài một bánh xe cầu nguyện và bảo ngài làm việc vì hạnh phúc của chúng sinh, ngài đã kiến lập nhiều chúng sinh trong sắc giới và vô sắc giới trong trạng thái thuần tịnh.

Năm ngài mười lăm tuổi, ngài nghe nhiều giáo lý từ chú của ngài là Kunsang Dudjom (*Kun-bZang-bDud-'Joms*), trong số những giáo lý khác có Giáo lý Tara Kho tàng Ấn dấu và Nyingthig (*Nying-Thig*).

Từ Lama Sonam Tsultrim (*bSod-Nams Tshul-Khrims*), Khyentse Yeshe Dorje (*mKhyen-brTse Ye-Shes rDo-rJe*), Namgyal Dongak Tenzin (*rNam-rGyal mDo-sNgags bsTan-'Dzin*), Trosur Kalsang Deutsen (*Khro-Zur bsKal-bZang lDe'u-bTsan*) và nhiều bậc linh thánh khác, ngài thọ nhận nhiều quán đảnh, khẩu truyền, giáo huấn và hướng dẫn trong các thực hành kinh mạch và năng lực.

Khi ngài nhận các quán đảnh và khẩu truyền từ Đại Thành tựu giả Pema Gyurme Sangye (*Padma-'Gyur-Med Sang-rGyas*), ngài được ban Pháp danh là Pema Duddul.

CHÍN NĂM TRONG ĐỘNG Lhang Drak

Khi ngài ba mươi tuổi, vào năm Hỏa Ngọ (1846), ngài cùng với vài người bạn tới Hàng rào Tuyết Cửa Gỗ Miền Đông để gặp Đại Thành tựu giả Choying Rangdrol (*Chos-dByings Rang-Grol*). Trong khi ngài đang thăm viếng Lạt ma, Đức Vajradhara (Kim Cương Trì) xuất hiện với ngài trong hình tướng con người.



Động De Chen Bar trên Núi Lhang Drak. Drubje Pema Duddul đã nhập thất trong động này chín năm và thành tựu Phật quả

Giống như một cái bình được trút hết vào ngài, ngài được ban các quán đánh, giáo huấn và hướng dẫn riêng về Nền tảng, Trekchod (Cắt đứt) Thuần tịnh Nguyên sơ, và Con Đường, Thogal (Sự Vượt qua) Thành tựu Tự nhiên.

Sau này, phù hợp với tiên tri của Đạo sư rằng nếu ngài thực hành ở Lhang Drak, Địa điểm Linh thiêng Âm thanh Trong trẻo, ngài sẽ đạt được xác quyết ở sự giải thoát ngay trong đời này và thành tựu lợi lạc bao la cho chúng sinh, ngài đã trở về Lhang Drak.

Hoàn toàn từ bỏ tám pháp thế gian của cuộc đời này và mọi hành động liên quan tới lợi danh, quyền lực, của cải và tham vọng tôn giáo, ngài tự giam mình trong một hang động tên là Sự Phát triển Chối lợi của Đại Lạc ở phương nam của Lhang Drak và ở đó trong chín năm. Trong ba năm đầu, ngài nuôi sống mình bằng lượng thực phẩm đạm bạc gồm nước và thực phẩm đặc.

Trong ba năm sau, chim săn mồi và chim biết hót cúng dường ngài thuốc men, ong cúng dường mật, và ngài thực hành trích xuất tinh túy theo một kho tàng ẩn dấu do chính ngài khám phá được gọi là **Tự-Giải thoát Bao trọn Bầu trời (Kha'-Khyab Rang-Dro)**.

Trong ba năm cuối cùng, ngài không cần đến thực phẩm bổ dưỡng nữa và tự nuôi sống bằng sự thiền định. Ngài đã đạt được sự kiên cố vững chắc nơi trí tuệ thuần tịnh nguyên sơ, là trí tuệ nhận ra mọi hiện tượng trong Sinh tử và Niết bàn như một mạng lưới nguyên sơ vĩ đại của các ảo ảnh xuất hiện trong tri giác của riêng mình.

Mọi hiện tượng được cô đọng trong Sinh tử và Niết bàn xuất hiện như một phản chiếu của trí tuệ được thành tựu tự nhiên. Ngài không còn lệ thuộc vào bốn yếu tố bên ngoài (tứ đại) hay nương tựa vào thân máu thịt bên trong. Các ảo tưởng phai nhạt thành sự bao la trống không. Ngài trở thành một vị thánh chứng ngộ điều phục hình tướng và sự hiện hữu.

Phù hợp với tiên tri của Đấng Vĩ đại xứ Oddiyana (Đức Liên Hoa Sanh), ngài tạo lập những vật thể tôn giáo tượng trưng thân, ngữ và tâm của giáo lý sâu xa bí mật có tựa đề **Tự-Giải thoát Bao trọn Bầu trời**. Địa điểm linh thiêng nơi giáo lý quý báu, siêu việt và đáng tin cậy được tạo lập được gọi là “Thảo nguyên Kho tàng Ấn dấu” hay “Cánh đồng Thịnh vượng và Hạnh phúc.”

Phía trước là một tảng đá cuội trắng giống như một con voi đang ngủ trên đó có viết chữ AK, một dấu hiệu của địa điểm kho tàng vẫn có thể nhìn thấy đến tận ngày nay. Sinh tử và Niết bàn xuất hiện với ngài rõ ràng như lòng bàn tay, và mọi hình tướng và hiện hữu xuất hiện như một minh họa của tánh Không. Sau khi thành tựu khả năng lưu xuất các hiện thân, ngài biên soạn các luận giảng về nhiều bản văn, gồm có **Tự-Giải thoát Bao trọn Bầu trời** (*mKha'-Khyab Rang-Grol*), **Một Tóm tắt các Giáo lý Kinh điển và Mật điển của Đức Phật** (*mDo-sNgags bKa'-Dus*), **Tâm Yếu của Đại Viên mãn: Bài Ca Kim cương** (*rDzogs-Chen sNying-Thig rDo-rJe'l sGra-dByangs*), **Katang, sự Tự Giải thoát của Mọi sự Xuất hiện** (*bKa'-Thang Gang-Sher Rang-Grol*), **Một Tỉ Đức Phật trong Một Tỉ Thế giới**, và **Một Tỉ Đức Liên Hoa Sanh**. Tuy nhiên, hiện nay chỉ còn tồn tại bảy quyển trong số những tác phẩm trên.

SÁNG LẬP TU VIỆN KALSANG

Ngày mùng mười tháng ba Tây Tạng của năm được gọi là Kim Thân “Phần nợ”, phù hợp với những tiên tri trước đó, vùng đất xây dựng ngôi chùa được hiến cúng. Bầu trời tràn ngập cầu vồng và những chấm sáng, và từ không trung một trận mưa bụi tuyết rơi xuống như những đóa hoa. Hương thơm thoang thoảng khắp nơi, tiếng xập xõa rền vang, và mọi ánh sáng cầu vồng tan biến ở nơi xây dựng tu viện.

Trong các linh kiến, chư Phật và Bồ Tát ở mười phương và đặc biệt là một ngàn vị Phật của Hiền Kiếp tan biến vào địa điểm linh thiêng này, vì thế Tu viện được đặt tên là Vương quốc Giáo Pháp của chư Phật Hiền Kiếp, Kalsang Sangye Choling.

Bằng những nỗ lực phối hợp của các đệ tử, các môn đồ và dân chúng sống trong vùng lân cận, một công trình kiến trúc điển tả các cảnh giới của ba thân đầy những cửa sổ hành lang được hoàn tất. Ngôi chùa được vẽ các tranh bích họa mô tả bốn trường phái chính của Phật giáo Tây Tạng biểu lộ cái nhìn hoàn toàn không bộ phái của Phật giáo. Các màu sắc và Bản Tôn được mô tả được thực hiện hoàn toàn phù hợp với giáo lý kho tàng ẩn dấu do chính Đại Thánh khám phá.

Bên trong các bức tường, một ngàn tượng Phật từ Takok, một ngàn pho tượng Đức Phật A Di Đà từ Lhangdrak, Cối Âm thanh Trong trời, và vô số các pho tượng tượng trưng cho các Lạt ma, Bản Tôn, Dakini và Hộ Pháp được cất dấu như những kho tàng ẩn dấu. Một lưỡi dao liễu bằng thiên thạch được dấu trong bốn cây cột và được bảo vệ bằng những chiếc đinh bất động. Một mạng lưới chày kim cương và lưỡi dao làm bằng năm loại kim khí được cất dấu trong sảnh đường trung tâm thượng mà sau này bị đập bằng eo lưỡi dao của Bà Kho tàng Gyarong và mọi người đều nghe âm thanh này.

Khi Đại Thánh cử hành lễ hiến cúng, nhiều dấu hiệu kỳ diệu xuất hiện, được kinh nghiệm khác nhau tùy theo nhận thức của mỗi người. Một số người thấy những

hình bóng Đức Phật bên trong những chấm sáng, những người khác nhìn thấy nhiều hình màu vàng rơi xuống giống như mưa tuyết từ bên trong một lưới mắt cáo dày bằng ánh sáng cầu vồng, và v.v..

Đại Thánh giả tuyên bố rằng về mặt gia hộ thì địa điểm này ngang hàng Chùa Samye Thành tựu-Tự nhiên Bất động. Ngài nói rằng những ai nhìn thấy, nghe nói, nghĩ tưởng hay xúc chạm địa điểm này sẽ gieo trồng hạt giống giải thoát.

Sonam Thaye (*bSod-Nams mTha'-Yas*), trưởng tử tâm yếu như mặt trăng của ngài, đảm trách hoàn thành việc xây dựng, và nhờ những nỗ lực vô biên của Rang ri Dorje (*Rang-Rig rDo-rJe*), trưởng tử tâm yếu như mặt trời của ngài, địa điểm trở nên nổi tiếng là Lãnh thổ Tiêu diệt-Áo tương của Bộ ba Cha và các Con, Trulshik Yabse Sum.

Theo tiên tri của Đại Thánh giả, Sonam Thaye giám thị việc xây dựng thành công Cung điện Samdrup, một tu viện Lạt ma rộng lớn và được trang hoàng công phu được xây dựng để làm chỗ trú ngụ cho các Đạo sư Phật giáo. Vật liệu xây dựng và những thứ cần thiết khác được bốn nhóm của vùng Nyakrong cung cấp.



Mặt sau của Tu viện Kalsang

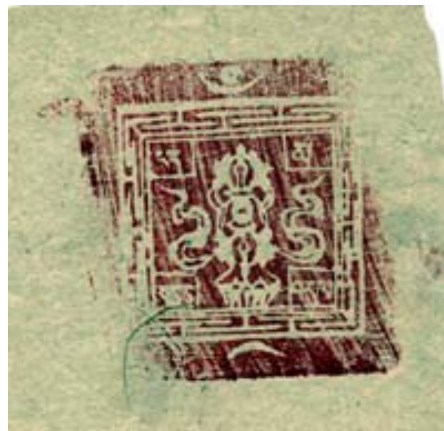
NHỮNG CÔNG HẠNH LÀM LỢI LẠC TẤT CẢ CHÚNG SINH

Bản thân Đại Thánh giả trung thành với lối sống giản dị của một người từ bỏ, không bao giờ sống lâu ở một nơi nào mà thay vào đó, ngài ở trên những sườn núi, dọc các bờ sông, trong rừng rậm và các hang động. Đi đến đâu các đệ tử cũng vây quanh ngài như những con ong vây quanh một đóa hoa, và ngài nổi tiếng là Người Sống trong Lều trại, Khangcik Garba (*Khang-gCig sGar-Pa*).

Ngài đã đề xướng và truyền bá rộng rãi tông phái của các Ngakpa áo trắng, tóc dài, các tantrika (hành giả Mật thừa) Kusali giữ ba bộ giới nguyện. Hơn nữa, ngài đã phát lên càng lúc càng cao Ngọn Cờ Chiến thắng của Giáo lý Tâm Yếu Đại Viên mãn Kim cương Cốt tủy Tịnh Quang.

Thủ lãnh địa phương của vương quốc nhỏ Nyak và con trai của ông hết sức tin tưởng và tôn kính ngài. Trong thời gian viên địa chủ quý tộc Punrabpa cai trị Nyak, các thủ lãnh nhỏ của miền này bất hòa và tiến hành một trận đánh lớn.

Đại Thánh giả đã thiền định giữa những người đó và hồi phục lại sự an bình cho vùng đất. Để đáp lại công hạnh đó, ngài được tặng rất nhiều súng và châu báu. Ngài phá hủy súng ống và ném chúng xuống sông, còn châu báu thì tặng cho chính phủ.



Bản sao một ấn vàng Đức Đạt Lai Lạt Mai thứ 12 ban cho Drubje Pema Duddul. Ấn vàng này bị thất lạc trong cuộc Cách mạng Văn hóa

Vị Bảo hộ Vĩ đại, Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 12 Trinley Gyamtso (*sKyabs-mGon Phrin-Las rGya-mTshos*) đã ban cho ngài một chữ vàng, dầu vàng và nhận ngài là vị Thầy tôn kính của mình, cúng dường cho tu viện đất và các điền trang của chính phủ. Một ngàn năm trăm pound (một pound = 0,454 kg) lúa mạch được gieo trồng để góp phần vào việc sử dụng cho tới cái chết của cháu ngài, Garab Dorje.



Pho tượng của Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 5 trong Tu viện Kalsang

Từ lúc đó trở đi, việc sử dụng vũ khí bị cấm tại tu viện, ngay cả trong ngôi chùa phụ nơi các Bổn tôn bảo hộ khủng khiếp được an vị. Hơn nữa, một mệnh lệnh được đưa ra nói rằng tất cả các tu viện trong vùng không được phép cất giữ súng.

Như đã được tiên tri, nhiều Lạt ma linh thánh của các phái Sakya, Kagyu và Gelug, kể cả Đức Karmapa thứ 15 Khakhyab Dorje (*Karmapa mKha'-Khyab rDo-rJe*) đã có cùng một khuynh hướng, tạo điều kiện thuận lợi cho quan điểm không bộ phái giữa các phái Tân Dịch và Cựu Dịch. Đạo sư của các dòng truyền thừa Tu viện Kathok, Palyul, Shechen và Dzogchen đã ban quán đảnh cho nhau và

trao đổi giáo lý và giáo huấn tâm linh. Các Tu viện Jasi Dechen, Jasi Jomo Tsogyal, Zur Jomo Dechen, Gojam và Samten được xây dựng; Tu viện Shiwa Lhatim và Chagdud Orgyen Ling được sửa chữa, và nền móng Tu viện Yeshe Podud của đạo Bon được hiến cúng.

Theo cách này, Đại Thánh giả đã thực hiện các công hạnh chuyển ba Pháp Luân mang lại lợi lạc bao la cho Giáo Pháp và chúng sinh.

THÂN CẦU VÒNG (2)

Sau đó, vào ngày trăng thượng tuần Saga Dawa năm Thủy Thân (1872) thuộc Rabjung thứ mười lăm, khi sắp từ giã cõi đời, trong miền Tromyul Nyin, ngài nói với các đệ tử những điều này:

“Các hoạt động mê lầm xuất phát từ những tham vọng cho cuộc đời này; những thiện hạnh giả dối của tám pháp thế gian; những trò chuyện huyền thuyên về “cái thấy” (kiến); thiên định sai lầm; hành vi điên khùng, náo động; sự phân biệt bộ phái; việc giúp ích chúng sinh vì danh lợi của chính mình – hãy tổng khứ tất cả những thứ đó. Chúng sẽ chẳng bao giờ là nguyên nhân của Phật quả.

Hãy tiêu diệt tám pháp thế gian. Từ bỏ những hoạt động của đời này. Đừng kiêu ngạo và trịch thượng, hãy bí mật thực hành Mật thừa. Hãy hòa hợp tâm con với lòng bi mẫn và việc làm lợi lạc cho bản thân và người khác sẽ được thành tựu thật tự nhiên – khi đó những hy vọng của lão già này sẽ được đáp ứng.

Người ta nói rằng Đức Padmasambhava (Liên Hoa Sanh) ngủ ở ngưỡng cửa nhà của người tín mộ, và ta cũng thế. Chớ có lang thang! Chớ có lang thang! Hãy làm việc cật lực!”

Ngài kết thúc với việc trì tụng bài kệ bắt đầu bằng: “Trong mọi cuộc đời của con, cầu mong con bất khả phân với Đạo sư siêu việt...” và những lời cầu nguyện khác, và nói: “Hãy bỏ ta ở trong lều và không ai được phép đến đó trong vòng bảy ngày.”

Sau bảy ngày, mặt đất rung động ba lần và bầu trời tràn ngập cầu vồng và những chấm sáng. Những tiếng xập xỏa vang lừng trên không, hương thơm ngọt ngào thoảng nhẹ khắp nơi và nhiều dấu hiệu kỳ diệu khác xuất hiện. Khi các đệ tử mở cửa căn lều thì vị Thánh đã biến mất và chỉ còn để lại tóc, móng tay chân, quần áo và ghế ngồi.

Ngài đã theo vết chân của những bậc thánh thành tựu trong quá khứ của Ấn Độ và Tây Tạng, và đã hiển lộ kết quả của Giáo lý Cựu Dịch Tịnh Quang Đại Viên mãn của Mật thừa: đó là thân cầu vồng.



Một ngôi chùa nhỏ trong vùng Palyul của Tây Tạng được xây dựng tại nơi Drubje Pema Duddul thị hiện thân cầu vồng

Một trăm ngày sau, ngài xuất hiện rõ ràng trước trường tử tâm linh Rigbi Dorje (*Rig-Ba'l rDo-rJe*) của ngài. Nhờ sự thấu suốt một biểu tượng dakini, chứng ngộ của Rigbi Dorje sánh tựa không gian và Đạo sư này đã thực hiện vô số công hạnh để làm lợi lạc chúng sinh.

Rigbi Dorje tiếp tục truyền dạy Giáo Pháp của bậc Đại Thánh tôn quý, và với sự trợ giúp của vô số Lạt ma linh thánh, ngài đã xây dựng một bảo tháp hai tầng trên nền của Tu viện Kalsang. Tóc, ngón tay và quần áo được lưu giữ ở bên trong.

Bài Cầu nguyện Đức Nyala Pema Duddül



Một bức vẽ Nyala Pema Duddül (1816-1872) trong Học viện Mật thừa Paldi Triked phía trên Karzang Gompa

Kính lễ Đạo sư!

Giống như mọi thành tựu giả vĩ đại và chư Phật trong quá khứ,
Ngài đã trải qua mọi gian khổ,
Và sau đó, từ Đỉnh Ngọc của Động Lhangdrak,
Đổ xuống một trận mưa Giáo Pháp Mahamudra (Đại Ấn),
Dzogpachenpo (Đại Viên mãn) và Trung Đạo Vĩ đại -
Hành giả 'ăn-đá,' [3] con cầu nguyện ngài.

Xin gia hộ cho con, để giống như ngài, con có thể chứng ngộ sự đơn giản tự nhiên, vượt lên mọi ý niệm!

Xin gia hộ cho con để con có thể ngoảnh mặt với sự tham luyến sinh tử!

Xin gia hộ cho con để nút thắt cháp ngã của con có thể được cởi bỏ!

Xin gia hộ cho con để con có thể thoát khỏi mọi bám chấp nhị nguyên!

Xin gia hộ cho con để con có thể xuyên thủng khối tham lam và sân hận này!

Xin gia hộ cho con để năm độc có thể được tịnh hóa tự nhiên trong trạng thái của riêng chúng!

Xin gia hộ cho con để con có thể kinh nghiệm hạnh phúc và đau khổ là nhất vị!

Xin gia hộ cho con để con hoàn toàn thấu hiểu cái chết và lẽ vô thường!

Xin gia hộ cho con để con có thể nhận ra mọi chúng sinh là cha mẹ của riêng con!

Xin gia hộ cho con để nút thắt cùng khổ của con có thể được nới lỏng!

Xin gia hộ cho con để con có thể nhận ra bản chất huyền hóa của thực phẩm và của cải!

Xin gia hộ cho con để con có thể gắn bó với những sơn thất hỉ lạc!

Xin gia hộ cho con để mọi tri giác của con hé rạn như Đạo sư!

Xin gia hộ cho con để hang động của con có thể xuất hiện như cõi Tịnh độ cực lạc!

Xin gia hộ cho con để con có thể hoàn thiện bảy cách an trụ bất biến! [4]

Xin gia hộ cho con để quan điểm của con có thể không quá khắt khe mà cũng không quá dễ dãi!

Xin gia hộ cho con để thiên định của con có thể phát khởi liên tục!

Xin gia hộ cho con để hành động của con vượt lên sự chấp nhận và từ bỏ!

Xin gia hộ cho con để con không sợ hãi hay trông chờ kết quả!

Xin gia hộ cho con để con đạt được ngay tại ranh giới của bốn cấp độ xác quyết!

[4]

Mặc dù sẽ không thích hợp khi một người biên soạn một bài cầu nguyện như bài này và gửi nó cho chính mình, nhưng do sự khẩn nài của nhiều bậc linh thánh hữu duyên, bài này được một kẻ rất nổi danh mà lại đui mù, khùng điên và ngu dốt tên là Pema Duddul biên soạn.

Chú thích:

[1] Rabjung: Chu kỳ 60 năm. Rabjung thứ nhất bắt đầu từ năm 1.027.

[2] Jhalu hay Thân Cầu vòng:

Một vị Thầy hay hành giả đã đạt được hình thức thành tựu tối thượng có thể hiển lộ “thân cầu vòng” hay “thân ánh sáng.” Thường thì điều này xảy ra sau khi chết, nhưng ta được biết là nó cũng xảy ra vào những dịp khác. Chẳng hạn như một trong 8 thân tướng của Guru Rinpoche (Đức Liên Hoa Sanh) là Cầu vòng. Nhiều người được chứng kiến Đức Karmapa thứ 16 tan biến nhất thời theo cách này trong một nghi lễ Vương miện Đen.

Những người đã thuần thục giai đoạn *trek-chod* của Dzogchen (Đại Viên mãn) có thể thực hành *to-gal*. Đây là thực hành Dzogchen cuối cùng cho phép hành giả tan biến thân vật lý của mình thành tinh túy của các yếu tố (các đại) vào lúc chết. Sau đó hành giả tan biến thành một “thân ánh sáng” và chỉ để lại tóc, móng tay, móng chân và vách mũi.

Năm 1952 có một trường hợp đặc biệt về thân cầu vòng ở miền Đông Tây Tạng trước sự chứng kiến của nhiều người. Người đăc thân cầu vòng tên là Sonam Namgyal, làm nghề khắc đá đạo, chuyên khắc các thần chú và Kinh văn. Ông là một người rất đơn sơ, khiêm tốn. Khi còn trẻ ông từng là một thợ săn và đă nhận giáo lý từ một Đạo sư vĩ đăi. Không ai thực sự biết ông là một hành giả, ông đăch thực là một “hành giả ẩn dẩu.”

Rồi ông ngã bệnh, hay có vẻ như thế, nhưng ông càng lúc càng trở nên vui vẻ một cách kỳ lạ. Khi bệnh của ông trầm trọng hơn, gia đình ông mời các Đạo sư và bác sĩ. Con trai ông bảo ông nên nhớ kỹ ‘Mọi sự đều huyền hóa, nhưng tôi tin chắc rằng tất cả đều tốt đẹp.’

Ngay trước khi chết vào năm 79 tuổi, ông nói “Tất cả những gì cha yêu cầu là khi cha chết, đừng di chuyển thân thể cha trong một tuần.” Khi ông chết gia đình bọc xác ông lại và mời các Lạt ma và tu sĩ tới trì tụng cho ông. Họ đăt xác ông trong một căn phòng nhỏ trong nhà, và họ không thể không nhận thấy rằng mặc dù ông là một người cao lớn, họ không phải lo lắng khi đăa xác ông vào phòng, như thể ông trở nên nhỏ hơn. Cùng lúc đó, một pho diễn phi thường của ánh sáng cầu vòng đă được nhìn thấy quanh căn nhà. Vào ngày thứ sáu khi họ nhìn vào phòng, họ thấy cái xác càng lúc càng nhỏ lại. Vào ngày thứ tám sau khi ông chết, buổi sáng ngày cử hành tang lễ, nhân viên mai táng đđến mang cái xác đi. Khi họ mở cái bọc ra, họ không thấy có gì trong đó ngoại trừ móng và tóc của ông.

Theo khandro.net (http://www.khandro.net/nature_rainbows.htm)

[3] Nyala Pema Duddul trải qua ba năm để thực hành một tu tập đăc biệt ‘trích xuất tinh chất’ (*chũ len*) bằng cách sử dụng các viên đá nhỏ, sau việc đó ngài nổi danh là hành giả ‘ăn-đá.’

[4] Căn nhận đă được một giải thích từ một Đạo sư Đăi Viên măn đầy đủ phẩm tính.

Nguyên tác: “A Brief Biography of the Lineage Founder of Kalsang Monastery, Tibet Drubje Pema Duddul 1816 – 1872”

by The Center For Dzogchen Studies Translation Group

<http://pages.cthome.net/tibetanbuddhism/pemaduddulbioto51702.htm>

và: **“Prayer to Nyala Pema Duddül”**

http://www.lotsawahouse.org/prayer_to_pema_duddul.html

Bản dịch Việt ngữ của Thanh Liên